SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẨM LỆ

Số: 141 /QĐ-THPTCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THPT Cẩm Lệ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẨM LỆ

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường THPT Cẩm Lệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1455/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THPT Cẩm Lệ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT TP ĐN;
- Như Điều 3;
- Niêm yết bảng thông báo;
-Website trường;
- Lưu :VT, VP.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẨM LỆ

Nguyễn Thị Minh Huệ

Trường trung học phổ thông Cẩm Lệ
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 141/QĐ-THPTCL ngày ..11./ 06/2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Cẩm Lệ)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
B	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
A	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
B	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**153.406**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**153.406**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**153.406**

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**153.406**
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	

10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	